

Số: 63/2026/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 30 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Định giá

1. Nguyên tắc và căn cứ định giá của Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Giá năm 2023; phương pháp định giá thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Giá năm 2023 và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; hình thức định giá, thẩm quyền, phân cấp thẩm quyền ban hành văn bản định giá; phân công cơ quan, đơn vị tham mưu lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá; thực hiện thẩm định phương án giá và trình ban hành văn bản định giá: Theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

3. Khi cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, sở quản lý ngành, lĩnh vực đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập văn bản đề nghị điều chỉnh giá gửi Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật Giá và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7 như sau:

“4. Thông báo danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với sở quản lý ngành, lĩnh vực, Thuế tỉnh Lai Châu và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng thể trên cơ sở đề xuất về Danh sách kê khai giá của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ kê khai giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Thông báo danh sách kê khai giá trên địa bàn tỉnh. Thông tin tại Thông báo danh sách kê khai giá bao gồm tên tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; mã số thuế.

b) Cơ quan, đơn vị được giao tiếp nhận hồ sơ kê khai giá theo quy định tại khoản 2 Điều này, căn cứ danh mục hàng hóa, dịch vụ được phân công tiếp nhận và theo yêu cầu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, công tác quản lý nhà nước về giá theo ngành, lĩnh vực, rà soát, lựa chọn tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ để đưa vào Danh sách kê khai giá đối với những tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong Danh sách kê khai giá của các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Thông báo danh sách kê khai giá.”

Điều 2. Bãi bỏ một số nội dung tại Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

1. Bãi bỏ Điều 1 và điểm c khoản 1 Điều 3.

2. Bãi bỏ cụm từ “cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư” tại điểm a khoản 4 Điều 7;”; cụm từ “điểm a và điểm c khoản 4 Điều 5;” tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 3.”

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.
2. Quy định chuyển tiếp: Đối với văn bản định giá đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực, tiếp tục thực hiện cho đến khi cấp có thẩm quyền định giá tại khoản 2 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 của Quyết định này ban hành văn bản định giá mới.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (báo cáo);
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VP UBND tỉnh: V, C;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lai Châu;
- Công Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, Kt8.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sỹ Cảnh

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 63 /2026/QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá; thẩm định phương án giá và trình ban hành văn bản định giá
1	Nước sạch đô thị	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối đa	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định khung giá	Sở Xây dựng
7	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối đa	Sở Xây dựng
8	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối đa	Sở Xây dựng
9	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối đa	Sở Xây dựng
10	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể	Sở Xây dựng
11	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể	Sở Nông nghiệp và Môi trường
12	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá; thẩm định phương án giá và trình ban hành văn bản định giá
13	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định khung giá	Sở Nông nghiệp và Môi trường
14	Nước sạch nông thôn	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể	Sở Nông nghiệp và Môi trường
15	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể	Sở Nông nghiệp và Môi trường
16	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu)	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối đa	Sở Nông nghiệp và Môi trường
17	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối đa	Sở Tư pháp
18	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong cụm công nghiệp đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể	Sở Công Thương
19	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế trong phạm vi được giao quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lai Châu
20	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể	Các sở quản lý ngành, lĩnh vực
21	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ	Các sở quản lý ngành, lĩnh vực
22	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu) áp dụng tại đơn vị trên địa bàn tỉnh (trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an)	Sở Y tế định giá cụ thể	Sở Y tế phân công phòng, đơn vị chuyên môn trực thuộc

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá; thẩm định phương án giá và trình ban hành văn bản định giá
23	Giá cụ thể dịch vụ điều trị nghiện bằng thuốc thay thế tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu) áp dụng tại đơn vị trên địa bàn tỉnh (trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an)	Sở Y tế định giá cụ thể	Sở Y tế phân công phòng, đơn vị chuyên môn trực thuộc
24	Máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn áp dụng tại đơn vị trên địa bàn tỉnh (trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an)	Sở Y tế định giá cụ thể	Sở Y tế phân công phòng, đơn vị chuyên môn trực thuộc
25	Dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu) áp dụng tại đơn vị trên địa bàn tỉnh (trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an)”	Sở Y tế định giá cụ thể	Sở Y tế phân công phòng, đơn vị chuyên môn trực thuộc
26	Dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá)	Ủy ban nhân dân cấp xã định giá cụ thể	Ủy ban nhân dân cấp xã phân công phòng, đơn vị chuyên môn trực thuộc
27	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt)	Ủy ban nhân dân cấp xã định giá cụ thể	Ủy ban nhân dân cấp xã phân công phòng, đơn vị chuyên môn trực thuộc